TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 255/2018/DS-PT
Ngày: 26-11-2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Văn Thinh;

Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Trương Thái Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2018/TLPT-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 72/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 195/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ cư trú: Đường K, Khu phố A, Phường B, thành phố C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Nguyễn Quốc K1, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện H1, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ngày 25-10-2018, có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mộng Đ, sinh năm 1966; địa chỉ cư trú: Đường D, Khu phố A1, Phường B, thành phố C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bà Đ: Ông Trần Quốc V, sinh năm 1959; nơi cư trú: Đường E, Phường F, thành phố C, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ngày 10-11-2018, có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Phan Thị H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà Nguyễn Thị Mộng Đ vay tiền cụ thể như sau:

Giấy nhận nợ thứ nhất: Ngày 09-5-2014, bà Đ vay 282.745.000 đồng; đến ngày 17-7-2014, bà Đ vay thêm số tiền 21.617.000 đồng. Ngày 20-8-2014, bà Đ đã trả được số tiền 120.129.000 đồng nên bà Đ còn nợ lại 184.233.000 đồng;

Giấy nhận nợ thứ hai: Ngày 10-4-2015, bà Đ vay số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay đáo hạn ngân hàng, thời hạn trả nợ là 05 ngày; khoảng 01 tháng sau bà Đ vay thêm số tiền 60.000.000 đồng. Đối với giấy nợ này bà Đ trả được 05 ngày lãi của số tiền 250.000.000 đồng, mức lãi suất 7%/tháng là 3.750.000 đồng. Phía dưới cùng của giấy nợ bà tự ghi nội dung bà Đ trả số tiền lãi 3.750.000 đồng và đã tự cắt bỏ.

Tổng số tiền bà Đ còn nợ theo 02 giấy nhận nợ nêu trên tính tròn là 494.000.000 đồng, bà thừa nhận từ năm 2015 đến năm 2016 bà Đ có đóng lãi cho bà mỗi tháng 3% trên tổng số tiền vay, bình quân mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng, đóng được 13 tháng với tổng số tiền 197.000.000 đồng. Nay bà thừa nhận chỉ có nhận của bà Đ số tiền 329.677.000 đồng tiền lãi theo tài liệu mà bà Đ cung cấp. Đối với phần tiền lãi nếu vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật thì bà đồng ý khấu trừ vào tiền nợ gốc.

Ngoài ra, bà có tham gia 03 dây hụi do bà Đ làm chủ thảo, cụ thể:

Dây hụi 01: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15-12-2012 (âm lịch), mãn vào ngày 15-01-2015 (âm lịch), gồm 26 phần, bà tham gia 01 phần, đã góp được 25 kỳ hụi sống, hốt hụi ở kỳ cuối cùng nhưng bà Đ không đăng hụi cho bà. Bà yêu cầu bà Đ trả cho bà 25 kỳ hụi đã đóng với số tiền 250.000.000 đồng.

Dây hụi 02: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 09-5-2013 (âm lịch), mãn vào ngày 09-8-2015 (âm lịch), gồm 28 phần, bà tham gia 01 phần và đã lĩnh hụi, còn nợ bà Đ 04 kỳ hụi chết với số tiền 40.000.000 đồng.

Dây hụi 3: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-5-2014 (âm lịch), mãn vào ngày 10-3-2016, gồm 24 phần, bà tham gia 01 phần, đã góp được 12 kỳ thì bà Đ tuyên bố ngưng hụi. Bà yêu cầu bà Đ trả lại tiền hụi đã góp với số tiền 12 x 6.500.000 đồng/tháng = 78.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng tiền hụi bà Đ còn nợ lại bà là: 250.000.000 đồng + 78.000.000 đồng – 40.000.000 đồng = 288.000.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Đ có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền vay tiền hụi còn nợ là 782.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng Đ trình bày:

Bà thừa nhận có vay tiền và làm chủ thảo các dây hụi như bà H trình bày. Tuy nhiên, đối với phần tiền vay hai bên đã tất toán hết nợ, phần phía dưới giấy nhận nợ ngày 10-4-2015 có ghi nội dung "giữa Đ và H đã tất toán xong hết nợ gốc còn lãi bao nhiêu thì hai bên tính toán lại" nhưng bà H đã cắt bỏ phần nội dung này. Đối với số tiền 329.677.000 đồng bà đã trả theo các biên nhận đã cung cấp, đây là phần tiền gốc trả cho giấy nhận nợ ngày 09-5-2014.

Đối với phần tiền hụi, giữa bà và bà H cũng đã tất toán xong, cụ thể:

Dây hụi 1: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 15-12-2012 (âm lịch), mãn vào ngày 15-01-2015 (âm lịch), gồm 26 phần, bà H đóng được 03 kỳ hụi sống thì bể hụi, bà đã hoàn lại hụi vốn cho bà H với số tiền 7.000.000 đồng/kỳ x 03 kỳ = 21.000.000 đồng.

Dây hụi 2: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở hụi ngày 09-5-2013 (âm lịch), mãn vào ngày 09-8-2015 (âm lịch), gồm 28 phần, bà H đã hốt hụi và hai bên đã tất toán xong.

Dây hụi 3: Hụi 10.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10-5-2014 (âm lịch), mãn ngày 10-3-2016, gồm 24 phần, bà H đóng được 05 kỳ hụi sống thì bể hụi, bà đã hoàn lại hụi vốn cho bà H với số tiền 6.500.000 đồng/kỳ x 05 kỳ = 32.500.000 đồng.

Như vậy, bà đã thanh toán hết các khoản nợ vay và hụi với bà H nên không đồng ý trả số tiền 782.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 72/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Phan Thị H yêu cầu bà Nguyễn Thị Mộng Đ trả số tiền 782.000.000 đồng, bao gồm 494.000.000 đồng tiền vay và 288.000.000 đồng tiền hụi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09 tháng 8 năm 2018, bà Phan Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Quốc K1 là người đại diện theo ủy quyền của bà H yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ trong vụ án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Việc vay mượn tiền và tham gia chơi hụi giữa bà H, bà Đ là có thật. Đối với giấy nợ ngày 09-5-2014, bà Đ có cung cấp 01 tờ giấy ghi nội dung "chị H nhận tiền" nhiều ngày với số tiền 35.000.000 đồng và 01 tờ giấy ghi "chị H nhận tiền" hàng tháng với số tiền 288.000.000 đồng; khấu trừ số tiền còn nợ 184.233.000 đồng thì bà Đ trả dư số tiền 138.767.000 đồng nhưng bà Đ đồng ý trừ vào tiền lãi, không yêu cầu bà H thanh toán lại tiền chênh lệch. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H đối với khoản nợ này là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với giấy nợ ngày 10-4-2015, bà Đ cho rằng đã trả xong có ghi vào phần cuối giấy nợ nhưng bị bà H cắt bỏ, bà H thừa nhận có cắt bỏ nhưng phần bị cắt bỏ ghi nội dung có nhận tiền lãi 5 ngày của bà Đ. Nay bà H không cung cấp được phần bị cắt bỏ để xem xét, đối chứng là không đảm bảo tính trung thực, khách quan nên không chấp nhận.

Đối với tiền hụi: Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh số tiền hụi đã đóng, bà Đ thừa nhận dây hụi 1 bể ở kỳ thứ 3, đã hoàn tiền lại cho bà H với số tiền 21.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ thể hiện, bà Đ có cung cấp 01 tờ giấy ghi tiền xăng chị H với số tiền 1.677.000 đồng, nên số tiền hụi còn nợ lại là 19.323.000 đồng. Đồng thời, dây hụi 3 bể hụi vào kỳ thứ 5, bà Đ thừa nhận đã thối tiền lại cho bà H với số tiền 32.500.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh; bà H cung cấp được tờ giấy đã đóng hụi cho bà Đ với số tiền 78.000.000 đồng nên cần chấp nhận yêu cầu này.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H yêu cầu bà Đ trả số tiền vay, chấp nhận một phần kháng cáo của bà H về khoản tiền hụi trong dây hụi ngày 15/12/2012 (ÂL) là 19.323.000 đồng, dây hụi ngày 10/5/2014 là 78.000.000 đồng và không chấp nhận kháng cáo bổ sung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xác minh, xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

[1] Xét kháng cáo của bà Phan Thị H:

1.1 Đối với khoản tiền vay: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thực tế bà Đ có vay tiền của bà H qua các giấy nhận nợ ngày 09-5-2014 và 10-4-2015, tổng số tiền bà Đ còn nợ là 494.233.000 đồng. Bà H cho rằng bà Đ chưa trả các khoản vay trên; bà Đ thì cho rằng đã tất toán hết nợ với bà H, vì phần phía dưới giấy nợ ngày 10-4-2015 có ghi nội dung "giữa Đ và H đã tất toán xong hết nợ gốc còn lãi bao nhiêu thì hai bên tính toán lại" nhưng bà H đã tự cắt bỏ, còn giấy nợ ngày 09-5-2014 bà Đ đã trả số tiền gốc 329.677.000 đồng theo các biên nhận đã cung cấp.

Hội đồng xét xử nhận thấy, lời trình bày của bà Đ là không có cơ sở; bởi lẽ, bà H thừa nhận có cắt phần dưới giấy nợ nhưng với nội dung "bà Đ trả số tiền lãi 3.750.000 đồng" nên không có căn cứ xác định phần giấy nợ bị cắt có nội dung như bà Đ trình bày và bà Đ cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả hết các khoản nợ trên cho bà H. Đối với số tiền 329.677.000 đồng, bà H thừa nhận có nhận số tiền này nhưng là tiền lãi chứ không phải tiền gốc; căn cứ vào 02 giấy nhận nợ nêu trên đều thể hiện lãi suất vay là 3%/tháng, hai bên cũng không thỏa thuận phương thức trả nợ gốc nên việc hàng tháng bà Đ trả cho bà H số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng theo các biên nhận cung cấp (bút lục 85, 87) là phù hợp với tiền lãi trên số nợ gốc 494.233.000 đồng nên có cơ sở xác định số tiền 329.677.000 đồng là tiền lãi.

Như vậy, tổng số tiền bà Đ còn nợ lại bà H là 494.233.000 đồng, bà H đã nhận số tiền lãi là 329.677.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bên đều thống nhất thời gian vay, trả tiền lãi cụ thể như sau: Giấy nhận nợ ngày 09-5-2014 tính đến ngày 20-8-2014 bà Đ còn nợ bà H số tiền 184.233.000 đồng; giấy nhận nợ ngày 10-4-2015, bà Đ vay 250.000.000 đồng thời hạn trả nợ là 05 ngày, đến ngày 10-5-2015 vay thêm 60.000.000 đồng. Số tiền 329.677.000 đồng bà Đ trả cho bà H từ ngày 24-5-2015 đến ngày 05-10-2017.

Do đó, bà Đ có trách nhiệm trả cho bà H đối với khoản tiền vay và lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

Đối với số tiền 184.233.000 đồng:

- Tiền lãi từ ngày 20-8-2014 đến ngày 05-10-2017: 184.233.000 đồng x 1,125%/tháng x 37 tháng 15 ngày = 77.625.000 đồng.

Đối với số tiền 250.000.000 đồng:

- Tiền lãi từ ngày 10-4-2015 đến ngày 15-4-2015: 250.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 05 ngày = 468.750 đồng;

- Tiền lãi từ ngày 15-4-2015 đến ngày 05-10-2017: 250.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 29 tháng 20 ngày = 83.437.000 đồng.

Đối với số tiền 60.000.000 đồng:

- Tiền lãi từ ngày 10-5-2015 đến ngày 05-10-2017: 60.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 28 tháng 20 ngày = 19.350.000 đồng.

Tổng tiền lãi bà Đ có nghĩa vụ trả là: 180.881.000 đồng.

Số tiền lãi bà H đã nhận 329.677.000.000 đồng là vượt quá quy định pháp luật được khấu trừ vào số tiền gốc 494.233.000 đồng, bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền gốc tính đến ngày 05-10-2017: 494.233.000 đồng + 180.881.000 đồng – 329.677.000.000 đồng = 345.437.000 đồng.

Tiền lãi của số tiền 345.437.000 đồng từ ngày 05-10-2017 đến ngày 25-7-2018: 345.437.000 đồng x 1,125%/tháng x 09 tháng 20 ngày = 37.566.273 đồng. Vì vậy, bà Đ còn phải có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền gốc và lãi: 345.437.000 đồng + 37.566.273 đồng = 383.003.273 đồng.

1.2 Đối với khoản tiền hụi:

Đối với dây hụi thứ 2 bà H cho rằng đã hốt hụi, còn nợ lại bà Đ 04 kỳ hụi chết và yêu cầu khấu trừ vào số tiền hụi bà Đ còn nợ nhưng bà Đ lại cho rằng hai bên đã góp hụi đến khi mãn nên không có căn cứ xem xét khấu trừ theo yêu cầu của bà H.

Đối với dây hụi thứ 1 mở ngày 15/12/2012 ÂL, gồm 26 phần, kết thúc ngày 15/01/2015 ÂL, bà H cho rằng đã góp được 25 kỳ, bà Đ đã không đăng hụi cho bà kỳ cuối, trong khi bà Đ xác định hụi đã bể vào kỳ thứ 3 và đã trả lại cho bà H số tiền đã đóng. Nhận thấy theo lời trình bày của bà H khi bà đóng được 25 kỳ tức là đến ngày 15/11/2014 ÂL (ngày 05/01/2015 DL), mặc dù bà chưa được đăng hụi vào kỳ thứ 26 của dây thứ 1 nhưng sau khi đã hốt hụi dây thứ 2 (ngày 09/3/2014 ÂL) bà vẫn thực hiện nghĩa vụ góp hụi chết của dây thứ 2 và đồng thời tiếp tục cho vay hai khoản 250.000.000 đồng và 60.000.000 đồng vào năm 2015.

Đối với dây hụi thứ 3 mở ngày 10/5/2014 ÂL, kết thúc ngày 10/3/2016 ÂL, bà H xác định đóng 12 kỳ, còn bà Đ cho rằng hụi khui được 5 kỳ thì bể. Xét thấy, lời trình bày của bà Đ là có cơ sở vì sau khi hụi bị bể ở kỳ thứ 5 (10/10/2014 ÂL tức ngày 07/11/2014 DL), hai bên đã tất toán xong nên đến ngày 10/4/2015 bà H cho bà Đ vay tiếp mà không đề cập đến khoản nợ hụi, khi hai bên chốt và trả tiền cho các khoản vay cũng không đề cập đến khoản tiền hụi còn thiếu.

Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về khoản tiền hụi là có căn cứ.

1.3 Như vậy, bà Đ có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền vay 383.003.273 đồng.

[2] Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo bổ sung của bà H về việc hủy bản án sơ thẩm để xác minh, xét xử lại; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị H, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476, 479 của Bộ luật Dân sự 2005; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phan Thị H.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 72/2018/DS-ST ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi" của bà Phan Thị H đối với bà Nguyễn Thị Mộng Đ.

Buộc bà Nguyễn Thị Mộng Đ có nghĩa vụ trả cho bà Phan Thị H số tiền 383.003.273 đồng (Ba trăm tám mươi ba triệu không trăm linh ba nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì còn phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Mộng Đ phải chịu 19.150.000 đồng (Mười chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Phan Thị H phải chịu 19.949.836 đồng (Mười chín triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng) đối với phần yêu cầu không được chấp nhận, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 17.840.000

đồng theo biên lai thu số 0004549 ngày 04-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Tây Ninh; bà H còn phải nộp số tiền 2.109.836 đồng.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị H không phải chịu, được hoàn lại số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005900 ngày 09-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện (thành phố);
- CCTHADS huyện (thành phố);
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thu Trang